

Tổ Ngộ Đạo - Từ Vân và công cuộc chấn hưng Phật giáo Nam Bộ (1866-1934)

ISSN: 2734-9195 08:25 01/09/2026

Muốn đạo pháp hưng thịnh, trước hết phải vun bồi con người; muốn Phật pháp trường tồn, phải giữ giới luật, mở mang giáo dục, bảo tồn kinh điển và nuôi dưỡng sự hòa hợp trong Tăng đoàn.

"Thành kính tưởng niệm Đại lão Hòa thượng Ngộ Đạo - Từ Vân, bậc cao tăng thạc đức góp phần đặt nền móng cho công cuộc chấn hưng Phật giáo Nam Bộ đầu thế kỷ XX."

Dẫn nhập

Trong dòng chảy Phật giáo Nam Bộ cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, Đại lão Hòa thượng Ngộ Đạo, hiệu Từ Vân, là một bậc cao tăng có ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều phương diện: nghiêm trì giới luật, giáo dục Tăng tài, khắc in kinh sách và kết nối hàng tôn túc đương thời. Ngài không chỉ góp phần gìn giữ nền nếp thiền môn giữa một giai đoạn xã hội nhiều biến chuyển, mà còn vun bồi những điều kiện căn bản để phong trào chấn hưng Phật giáo Nam Bộ từng bước hình thành và phát triển.

Tưởng niệm Ngài cũng là trở về với một thời kỳ mà sự nghiệp hoằng pháp được gây dựng từ những công việc nền tảng: nghiêm trì giới luật, mở trường dạy học, đào tạo Tăng tài, truyền giới, khắc mộc bản, lưu thông kinh điển và kết nối pháp lữ. Từ những Phật sự bền bỉ, thầm lặng ấy, mạng mạch Chánh pháp được gìn giữ và tiếp nối qua nhiều thế hệ.

1. Thân thế và chí nguyện xuất trần

Đại lão Hòa thượng thuộc dòng **Thiền Lâm Tế** Gia Phổ đời thứ 39, pháp danh Ngộ Đạo, hiệu Từ Vân; thế danh Đình Công Thân. Ngài sinh năm Bính Dần (1866), tại làng Định Yên, vùng Lấp Vò. Địa danh Định Yên trước đây thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; sau đợt sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, địa bàn này thuộc đơn vị hành chính mới của tỉnh Đồng Tháp.

Thân phụ là cụ ông Đinh Công Thành, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Hoài. Gia đình có bảy anh em, Ngài là người con thứ tư. Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, phúc hậu và có truyền thống kính tin Tam bảo, từ thuở thiếu thời Ngài đã bộc lộ phong thái trầm tĩnh: không chuộng ăn ngon mặc đẹp, ít ham vui, thích suy tư và chăm đọc sách Thánh hiền.

Năm Bính Tuất (1886), khi vừa tròn 21 tuổi, sau chuyến chiêm bái vùng Thất Sơn – Châu Đốc, chí xuất trần nơi Ngài càng thêm mạnh mẽ. Trở về quê nhà, Ngài đến chùa An Phước cầu lão Tổ Đạt Hóa, hiệu Nguyên Hòa, làm Bốn sư. Được Hòa thượng hứa khả, Ngài thế phát xuất gia, thọ pháp danh Ngô Đạo, hiệu Từ Vân. Từ đây mở ra một đời thanh bần, nghiêm trì giới hạnh và tận tụy phụng sự Tam bảo.

2. Thọ giới, tu học và đảm nhiệm Phật sự

Năm Mậu Tý (1888), Ngài thọ giới Sa-di tại Giới đàn An Phước. Thiền sư Minh Thông, hiệu Hải Huệ, đương vi Đường đầu Hòa thượng; Ngài Phổ Minh đương vi Yết-ma A-xà-lê; Ngài Đạt Hóa đương vi Giáo thọ A-xà-lê.

Năm Tân Mão (1891), Ngài đăng đàn thọ giới Tỳ-kheo và Bồ-tát giới tại Giới đàn Tiên Thiện – Từ Lâm, tổ chức nơi Tổ đình Phước Hưng, Sa Đéc. Thiền sư Minh Thông – Hải Huệ đương vi Đường đầu Hòa thượng; Thiền sư Hải Huệ, hiệu Chân Giác Đạo Nhân, đương vi Yết-ma A-xà-lê; Thiền sư Như Khả, hiệu Chơn Truyền, đương vi Giáo thọ A-xà-lê.

Sau khi giới pháp viên thành, Ngài vâng lời Bốn sư về đảm nhiệm Phật sự tại Tổ đình Tân Long, làng Tân Thuận Tây, Cao Lãnh. Địa bàn Tân Thuận Tây ngày nay thuộc phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tại đây, Ngài từng bước xây dựng Tân Long thành một đạo tràng tu học, giáo dục và truyền giới có uy tín trong vùng.

Năm Ất Tỵ (1905), Hòa thượng Bốn sư viên tịch. Sau khi chu toàn tang lễ và hiếu sự, Ngài tiếp tục kế thừa Phật sự tại Tổ đình Tân Long. Từ đây, trách nhiệm nối truyền tông phong và đào tạo hậu học ngày càng trở thành trọng tâm trong cuộc đời hành đạo của Ngài.



Ảnh tác giả cung cấp.

3. Giáo dục Tăng tài và sự nghiệp mộc bản

Năm Ất Mão (1915), Ngài mở trường gia giáo tại Tổ đình Tân Long để giảng dạy kinh luật, chữ Hán – Nôm và những kiến thức cần thiết cho hàng hậu học. Đây

là một hoạt động có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh Phật giáo Nam Bộ đang đứng trước nhu cầu chỉnh đốn việc học, nâng cao trình độ Tăng chúng và phục hồi nền nếp giáo dục thiền môn.

Song song với việc mở trường, Ngài chuẩn bị việc khắc mộc bản, tuyển chọn kinh, luật, luận, các bản chú giải, diễn nghĩa và trước tác bằng Quốc âm để khắc in, lưu truyền. Ngài còn hướng dẫn đệ tử học nghề điêu khắc, trực tiếp hình thành một lực lượng có khả năng chế tác ván in kinh sách. Nhờ vậy, Tổ đình Tân Long không chỉ là nơi tu học mà còn trở thành một điểm lưu giữ và truyền bá di sản Hán – Nôm Phật giáo.

Năm Tân Dậu (1921), Ngài tiếp tục xây dựng thêm Tăng xá và phòng ốc để đón Tăng chúng từ nhiều nơi về tu học. Trong hàng môn đồ và hậu học được Ngài giáo dưỡng, nổi bật có Hòa thượng Huệ Quang, người về sau giữ trọng trách Thượng thủ Giáo hội Tăng già Nam Việt. Thành quả ấy cho thấy một định hướng nhất quán trong sự nghiệp của Ngài: muốn chấn hưng Phật giáo, trước hết phải đào tạo con người có giới hạnh, học lực và năng lực gánh vác Phật sự.

4. Truyền giới và kết nối hàng tôn túc

Năm Kỷ Mùi (1919), Đại Giới đàn Minh Phước được tổ chức tại Tổ đình Phước Hưng, Sa Đéc. Ngài được cung thỉnh đương vi Đường đầu Hòa thượng; Hòa thượng Hồng Thiện – Bửu Phước, khai sơn Phước Ân Tự, đảm nhiệm Tuyên luật sư, Yết-ma A-xà-lê; Hòa thượng Vạn Hiển, trụ trì Tổ đình Phước Hưng, đảm nhiệm Giáo thọ A-xà-lê. Sự hiện diện của ba vị tôn túc trong cùng giới đàn phản ánh mối liên hệ pháp lữ bền chặt và tinh thần cộng tác trong việc duy trì giới pháp.

Năm Ất Sửu (1925), tại Tổ đình Tân Long mở Trường Kỳ. Ngài đảm nhiệm ngôi vị Chứng minh và Pháp sư. Cùng tham dự và đảm nhiệm các Phật sự quan trọng có những danh tăng đương thời như Hòa thượng Từ Văn chùa Hội Khánh, Hòa thượng Trí Thiện chùa Sắc tứ Tam Bảo, Hòa thượng Khánh Hòa chùa Tiên Linh, Hòa thượng An Lạc chùa Vĩnh Tràng, Hòa thượng Như Lý – Thiên Trường chùa Bửu Lâm và Hòa thượng Thiên Ân chùa An Phước. Việc nhiều bậc tôn túc cùng hội tụ tại một trường hương cho thấy mạng lưới giao lưu, tương trợ và thao thức chung trước vận mệnh Phật giáo Nam Bộ.

Có thể xem những cuộc hội tụ như thế là một phần của tiến trình chuẩn bị về nhân sự, tư tưởng và tổ chức cho phong trào chấn hưng Phật giáo. Công cuộc ấy không chỉ được nhận diện qua sự ra đời của các hội đoàn về sau, mà đã được vun bồi từ trước bằng việc giáo dục Tăng tài, chỉnh đốn giới luật, mở trường

hương, khắc in kinh sách và tăng cường sự liên kết giữa các sơn môn.

5. Giới đàn tiêu biểu trong những năm cuối đời

Năm Bính Dần (1926), Đại Giới đàn Nguyên Hòa được tổ chức tại Bốn tự Tân Long, Ngài đương vi Đường đầu Hòa thượng. Trong số giới tử có Hòa thượng Thích Thành Đạo (1906–1977), về sau là một vị giáo phẩm có nhiều hoạt động Phật sự tại Sài Gòn.

Năm Đinh Mão (1927), Đại Giới đàn Minh Phước tại Tổ đình Phước Hưng, Sa Đéc lại cung thỉnh Ngài làm Đường đầu Hòa thượng; Hòa thượng Hồng Thiện – Bửu Phước đảm nhiệm Yết-ma A-xà-lê và Hòa thượng Vạn Hiến đảm nhiệm Giáo thọ A-xà-lê. Sau đó, theo các bản tiểu sử lưu truyền, Ngài sang Lào dự một đại hội Phật giáo khu vực.

Năm Canh Ngọ (1930), Đại Giới đàn Nguyên Hòa tại Tổ đình Tân Long tiếp tục cung thỉnh Ngài làm Đường đầu Hòa thượng; Hòa thượng Hồng Thiện – Bửu Phước làm Yết-ma A-xà-lê; Hòa thượng Vạn Hiến làm Giáo thọ A-xà-lê.

Năm Giáp Tuất (1934), Đại Giới đàn được tổ chức tại chùa An Phước, làng Định Yên, Lấp Vò; Ngài đương vi Đàn đầu Hòa thượng. Cho đến những tháng cuối của cuộc đời, Ngài vẫn đặt việc truyền trao giới pháp và tiếp dẫn hậu học ở vị trí trọng yếu.

6. Du phương tham học và tầm nhìn chấn hưng

Theo các tư liệu tiểu sử hiện lưu hành, năm Giáp Tý (1924), Ngài sang Ấn Độ chiêm bái Phật tích, đồng thời đi qua một số quốc gia và vùng Phật giáo ở châu Á như Trung Quốc, Thái Lan, Miến Điện, Lào và Campuchia để tìm hiểu sinh hoạt Phật giáo. Chi tiết này cần tiếp tục được khảo chứng bằng tư liệu hành trình, văn bản đương thời hoặc nguồn lưu trữ độc lập; tuy nhiên, truyền thống tiểu sử đã ghi nhận ở Ngài một tinh thần mở rộng tầm nhìn, quan tâm đến vận động Phật giáo ngoài phạm vi địa phương.

Điểm nổi bật trong sự nghiệp của Ngài là tinh thần chấn hưng được chuyển hóa thành những Phật sự cụ thể. Không dừng ở lời kêu gọi, Ngài đặt sự phục hưng đạo pháp trên bốn nền tảng: giới luật làm căn bản, giáo dục làm phương tiện, kinh điển làm mạch nguồn và Tăng đoàn hòa hợp làm sức mạnh. Chính những nền tảng ấy đã góp phần chuẩn bị cho thế hệ kế tiếp bước vào phong trào chấn hưng có tổ chức trong những thập niên đầu thế kỷ XX.

7. Mộc bản và di sản trước tác - phiên khắc

Tại Tổ đình Tân Long còn lưu truyền nhiều mộc bản kinh, luật, luận, sách diễn nghĩa và văn bản Quốc âm gắn với công cuộc khắc in do Ngài khởi xướng. Danh mục thường được nhắc đến gồm:

- Kim Cang Kinh;
- Lục Tổ Bửu Đàn Kinh diễn nghĩa (văn Nôm, thể lục bát);
- Di Giáo Kinh chú giải;
- Tứ Thập Nhị Chương chú giải;
- Sa-di Luật nghi chú giải;
- Quy Sơn Cảnh Sách chú giải;
- Quy Nguyên Trục Chỉ;
- Hứa Sử truyện văn;
- Thiển Cơ Ngộ Đạo truyện (chữ Nôm);
- Chư Sám Quốc Âm;
- Thập Nhị Đại Nguyên Vương Quốc Âm;
- Tam Quy Ngũ Giới Thích Nghĩa (Nôm);
- Phục Sơ Giác Bốn diễn ca tập;
- Thân Chung Tịnh Độ Kinh;
- Niệm Phật Pháp Môn Công Cứ.

Những người tham gia công việc khắc mộc bản được truyền lại gồm các đệ tử và môn nhân như Tịnh Tu, Tịnh Tư, Tịnh Tâm, Tịnh Ý, Tịnh Huệ, Tịnh Chí, Huệ Thành, Mỹ Quang, Chơn Huệ... Công trình này có giá trị không chỉ ở phương diện hoằng pháp, mà còn là chứng tích của kỹ thuật in khắc, sinh hoạt giáo dục và văn hóa chữ Hán – Nôm trong Phật giáo Nam Bộ.

8. Môn đồ và sự tiếp nối

Hàng đệ tử xuất gia của Ngài được ghi nhận gồm: Tịnh Đắc, Tịnh Nhãn, Tịnh Toàn, Tịnh Trí, Tịnh Thắng, Tịnh Tu, Tịnh Tư, Tịnh Kiên, Tịnh Nghiêm, Tịnh Lý,

Tịnh Huệ, Pháp Lý, Pháp Tư... Trong đó, Tịnh Nghiêm được nhắc đến với việc khai sơn chùa Thành Hoa ở vùng Chợ Mới, An Giang, dân gian quen gọi là “Đạo Năm”.

Không chỉ truyền pháp cho môn đồ trực tiếp, ảnh hưởng của Ngài còn được tiếp nối qua những bậc giáo phẩm lớn của Phật giáo Nam Bộ. Hòa thượng Thích Huệ Quang (1888-1956), về sau giữ ngôi Thượng thủ Giáo hội Tăng già Nam Việt, và Hòa thượng Thích Hải Tràng (1884-1972), về sau giữ trọng trách Phó Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, là những nhân vật tiêu biểu thuộc thế hệ tiếp nối tinh thần giáo dục, giới luật và chấn hưng. Trong dòng vận động rộng lớn ấy, Hòa thượng Khánh Hòa cùng nhiều bậc tôn túc đã tiếp tục thúc đẩy phong trào chấn hưng Phật giáo Nam Bộ.

9. Pháp lữ đồng hành: Hồng Thiện - Bửu Phước và Vạn Hiển

Một nét đặc biệt trong hành trạng của Tổ Ngộ Đạo - Từ Vân là mối gắn bó pháp lữ với các bậc thạch trụ tông lâm cùng thời, tiêu biểu là Hòa thượng Hồng Thiện - Bửu Phước, khai sơn Tổ đình Phước Ân, và Hòa thượng Vạn Hiển, vị trụ trì Tổ đình Phước Hưng. Các Ngài không chỉ gặp nhau trong giao tình sơn môn, mà nhiều lần cùng đứng trong hàng Thập sư tại các đại giới đàn, cùng gánh vác việc tuyên luật, Yết-ma, giáo thọ và truyền trao giới pháp.

Sự đồng hành ấy mang ý nghĩa lớn hơn một mối quan hệ cá nhân. Đó là biểu hiện của tinh thần hòa hợp Tăng-già và sự liên kết giữa các đạo tràng có ảnh hưởng ở miền Tây Nam Bộ. Tân Long, Phước Ân và Phước Hưng, qua sự hiện diện và cộng tác của các bậc tôn túc, đã tạo thành những điểm tựa cho việc đào tạo Tăng tài, tổ chức giới đàn, khắc in kinh sách và duy trì mạng mạch thiền môn.

Trong bối cảnh Phật giáo bước vào thời kỳ cần tự chỉnh đốn để thích ứng với những biến chuyển xã hội, chính tình pháp lữ, sự tôn trọng giới luật và tinh thần cùng lo việc chung của Tổ Ngộ Đạo - Từ Vân, Hòa thượng Hồng Thiện - Bửu Phước và Hòa thượng Vạn Hiển đã góp phần tạo nên một nền tảng nhân sự và đạo phong quan trọng. Từ nền tảng ấy, những thế hệ kế thừa có điều kiện tiến xa hơn trong công cuộc chấn hưng Phật giáo Nam Bộ.

10. Viên tịch

Duyên Ta-bà đã mãn, Ngài an nhiên tọa hóa vào ngày 25 tháng 5 năm Giáp Tuất (tư liệu tiểu sử hiện hành ghi ngày 06-06-1934). Ngài trụ thế 68 xuân,

pháp lập được truyền ghi 40 hạ, trụ trì 43 đông.

Một đời hành đạo khép lại trong phong thái thanh tịnh của bậc thiền gia, nhưng đạo nghiệp của Ngài vẫn tiếp tục hiện hữu qua môn đồ, giới pháp, mộc bản, đạo tràng và các thế hệ Tăng tài kế thừa.

11. Kết luận: Một đời làm nền cho đạo pháp hưng long

Nhìn lại cuộc đời và đạo nghiệp của Tổ Ngộ Đạo – Từ Vân, có thể thấy dấu ấn sâu đậm nhất của Ngài nằm ở công hạnh âm thầm gây dựng nền móng cho sự trường tồn và phát triển của đạo pháp. Ngài lấy giới luật để giữ mạng mạch Tăng-già; lấy giáo dục để đào tạo người kế thừa; lấy mộc bản và kinh sách để khai mở trí tuệ; lấy giới đàn để truyền trao pháp mạch; lấy tinh thần hòa hợp để liên kết các bậc tôn túc và sơn môn.

Đặc biệt, mối pháp lữ bền chặt giữa Ngài với Hòa thượng Hồng Thiện – Bửu Phước và Hòa thượng Vạn Hiển là một dấu ấn đáng trân trọng. Các Ngài đã nhiều lần cùng hiện diện trong những Phật sự trọng đại, cùng chăm lo giới pháp và giáo dục Tăng chúng. Sự cộng tác ấy cho thấy công cuộc chấn hưng Phật giáo Nam Bộ không phải thành quả của một cá nhân đơn lẻ, mà được kết tinh từ đạo tâm, trí lực và tinh thần đồng hành của nhiều bậc cao tăng thạc đức.

Từ những trường gia giáo, những mùa an cư, những giới đàn trang nghiêm và từng tấm mộc bản được khắc bằng công sức của thầy trò, một nguồn lực âm thầm đã được tích tụ. Chính nguồn lực ấy đã góp phần tạo tiền đề để thế hệ Hòa thượng Huệ Quang, Hòa thượng Hải Tràng, Hòa thượng Khánh Hòa và nhiều bậc tôn túc tiếp tục đưa lý tưởng chấn hưng bước sang một giai đoạn rộng lớn hơn.

Hơn chín thập niên sau ngày Ngài viên tịch, di sản của Tổ Ngộ Đạo – Từ Vân vẫn gợi nhắc một bài học có giá trị lâu dài: muốn đạo pháp hưng thịnh, trước hết phải vun bồi con người; muốn Phật pháp trường tồn, phải giữ giới luật, mở mang giáo dục, bảo tồn kinh điển và nuôi dưỡng sự hòa hợp trong Tăng đoàn. Đó chính là ánh sáng từ đạo nghiệp của Ngài, ngọn hải đăng soi đường để hậu thế tiếp tục gìn giữ mạng mạch Phật pháp và phụng sự chúng sinh.

Thích Vân Phong